

Số: **1745**/2013/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **28** tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quyết định ban hành đơn giá thay thế giá đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án: Nâng cấp mạng lưới giao thông Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) phía Bắc lần thứ 2, (Quốc lộ 217) đoạn qua huyện Quan Sơn.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, và Luật Xây dựng năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ về quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định số 4194/2012/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2013;

Xét đề nghị của UBND huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 22/4/2013; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 302/TTr-STNMT ngày 14/5/2013 về việc quyết định ban hành đơn giá thay thế giá đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án: Nâng cấp mạng lưới giao thông Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) phía Bắc lần thứ 2, (Quốc lộ 217) đoạn qua huyện Quan Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá thay thế giá đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án: Nâng cấp mạng lưới giao thông Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) phía Bắc lần thứ 2, (Quốc lộ 217) đoạn qua huyện Quan Sơn (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Đơn giá ban hành tại Điều 1 áp dụng cho việc lập dự toán và thanh quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp mạng lưới giao thông Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) phía Bắc lần thứ 2, (Quốc lộ 217) đoạn qua huyện Quan Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, Quyết định;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ giao thông vận tải ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, CN.

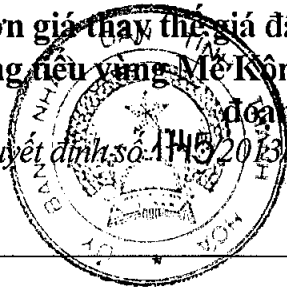
(b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



***Nguyễn Ngọc Hồi**

Phụ lục: Đơn giá thay thế giá đất để thực hiện GPMB dự án nâng cấp mạng lưới giao thông nêu trong Kế hoạch mở rộng (GMS) phía Bắc lần thứ 2 (QL217) qua huyện Quan Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1145/2013/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng/m²

Số TT	Loại đất và vị trí	Giá đất theo QĐ số 4194/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Giá đất thay thế	Ghi chú
I. Giá Đất ở đoạn Quốc lộ 217				
1	Từ đầu bản Lang tính 2 bên đường lên hết bản Lang xã Trung Hạ.	500.000	500.000	
2	Từ đầu bản Bá tính 2 bên đường đến cầu Km 22	1.000.000	1.000.000	
3	Từ đầu bản Bá tính 2 bên đường lên qua đường sang bản Toong xã Trung Tiến.	1.300.000	1.300.000	
4	Từ đầu đất bản Lốc tính 2 bên đường lên đến đường sang bản Lâm xã Trung Tiến.	300.000	300.000	
5	Từ đường sang bản Lâm tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Chè xã Trung Tiến.	500.000	500.000	
6	Từ đầu bản Bách tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Bách xã Trung Thượng.	450.000	450.000	
7	Từ đầu bản Ngâm tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Ngâm xã Trung Thượng.	500.000	500.000	
8	Từ đầu bản Bôn tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Bôn xã Trung Thượng.	300.000	300.000	
9	Từ đầu thị trấn Quan Sơn tính 2 bên đường lên đến trạm hạ thế Km 34 thị trấn Quan Sơn.	1.600.000	1.600.000	
10	Từ Trạm hạ thế Km 34 thị trấn Quan Sơn tính 2 bên đường lên đến cầu thị trấn Quan Sơn	2.000.000	2.000.000	
11	Từ cầu thị trấn Quan Sơn tính 2 bên đường lên đến trường Mầm non thị trấn Quan Sơn	2.000.000	2.000.000	
12	Từ trường Mầm non Thị trấn Quan Sơn tính 2 bên đường lên đến hết đất Thị trấn Quan Sơn	2.000.000	2.000.000	
13	Từ giáp Thị trấn tính 2 bên đường lên trên hộ ông Khoa bản Păng 200 m	1.300.000	1.300.000	

14	Từ dưới hộ ông Ngân Văn Thu bản Păng 500 m lên đến hết đất bản Păng xã Sơn Lư	700.000	700.000	
15	Từ đầu bản Bon tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Hao xã Sơn Lư	450.000	450.000	
16	Từ đầu bản Hẹ tính 2 bên đường lên đến hết đất xã Sơn Lư	300.000	300.000	
17	Từ đầu đất bản Bun tính 2 bên đường lên đến hết đập tràn Km 54 xã Sơn Điện	300.000	300.000	
18	Từ đập tràn Km 54 tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Ban xã Sơn Điện	700.000	700.000	
19	Từ dưới cây xăng 500 m tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Ban xã Sơn Điện	1.200.000	1.200.000	
20	Từ đầu bản Na Lộc tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Na Lộc xã Sơn Điện	450.000	450.000	
21	Từ đầu bản Na Nghịu lên đến hết bản Na Nghịu xã Sơn Điện	450.000	450.000	
22	Từ đập tràn bản Nhài tính 2 bên đường lên đến cầu bản Yên xã Mường Mìn	450.000	450.000	
23	Từ cầu bản Yên tính 2 bên đường lên đến cầu bản Luốc Lầu xã Mường Mìn	550.000	550.000	
24	Từ đầu bản Mìn tính 2 bên đường lên đến hết bản Mìn xã Mường Mìn	300.000	300.000	
25	Từ đầu bản Sộp Huổi tính 2 bên đường lên đến hết bản Sộp Huổi xã Na Mèo	400.000	400.000	
26	Từ đầu Km 83 tính 2 bên đường lên đến giáp đất bản Na Mèo	300.000	300.000	
27	Từ đường vào phân viện bản Na Mèo tính 2 bên đường lên đến cống suối ấu bản Na Mèo	1.500.000	1.500.000	
28	Từ cầu Suối Áu giáp nhà ông Xuân tính 2 bên đường lên đến cửa khẩu Na Mèo.	2.000.000	2.000.000	
II. Giá Đất nông nghiệp				
1	Đất trồng cây hàng năm	30.000	30.000	
2	Đất trồng cây lâu năm	12.000	12.000	
3	Đất rừng sản xuất	5.000	5.000	
4	Đất nuôi trồng thủy sản	30.000	30.000	